

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày 07-6-2024

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Đăng Quỳnh;

2. Ông Hà Minh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ A Say - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trám Tấu, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trám Tấu tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trám Tấu, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Sùng Thị D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Anh Hằng A P, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Kim C- Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý.

3. Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Mùa A L- Cán bộ Chi cục thi hành án dân sự huyện Trám Tấu, tỉnh Yên Bái.

Những người tham gia tố tụng đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20-3-2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Sùng Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hảng A P chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán của người Mông từ năm 2012, tuy nhiên giữa chị và anh P không đăng ký kết hôn. Chị và anh P chung sống tại thôn Mù C, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P thường xuyên bạo lực gia đình, đánh đập, chửi bới chị, khi chị bị ốm đau anh P không quan tâm dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ là Sùng A S và Giàng Thị N tại chòm H thuộc thôn P, xã B, huyện T từ giữa tháng 3 năm 2024 cho đến nay vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn giữa chị và anh P đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng không hàn gắn được tình cảm.

Chị D xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Hảng A P.

- Về con chung: Chị và anh Hảng A P có 02 con chung là Hảng Thị S, sinh ngày 02-8-2015 và Hảng A H, sinh ngày 20-4-2018. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Hảng Thị S để anh Hảng A P được nuôi dưỡng 01 con chung là Hảng A H. Chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Hảng A P tự thỏa thuận với nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hảng A P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Việc chung sống như vợ chồng giữa anh và chị Sùng Thị D, đúng như chị D trình bày. Còn mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau thì thoảng có cãi nhau, đến tháng 3 năm 2024 thì chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị D tại thôn P, xã B, huyện T ở cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị D đề nghị ly hôn anh không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị Sùng Thị D có 02 con chung là Hảng Thị S, sinh ngày 02-8-2015 và Hảng A H, sinh ngày 20-4-2018. Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Hảng Thị S và Hảng A H và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị Sùng Thị D tự thỏa thuận với nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23-4-2024 cháu Hằng Thị S khai: Bố mẹ cháu đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Trầm Túu, cháu đề nghị Tòa án hòa giải để bố mẹ cháu về đoàn tụ vì cháu muốn được sống cùng cả bố và mẹ, còn nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ, vì cháu là con gái và mẹ quan tâm chăm sóc đến cháu nhiều hơn.

Tại biên bản xác minh ngày 07-5-2024, anh Trang A V là trưởng thôn M, xã B, huyện T cho biết: Anh Hằng P và chị Sùng Thị D có 02 con chung là Hằng Thị S, sinh ngày 02-8-2015 và Hằng A H, sinh ngày 20-4-2018; về điều kiện nuôi con: Chị D và anh P đều không có nghề nghiệp ổn định, chủ yếu làm nông nghiệp, thu nhập không xác định được, đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của con trên 7 tuổi và giao cho mỗi người được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là phù hợp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên hòa giải chị D và anh P không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn.

Tại phiên tòa chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hằng Thị S, để anh P trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hằng A H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí chị đề nghị Tòa án xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị D và anh Hằng A P; về con chung: Đề nghị HĐXX giao cho chị Sùng Thị D được quyền trông nom, nuôi dưỡng 01 con chung là Hằng Thị S, sinh ngày 02-8-2015; giao cho anh Hằng A P được quyền trông nom, nuôi dưỡng 01 con chung là Hằng A H, sinh ngày 20-4-2018, chị D và anh P không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị D là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị D.

Tại phiên tòa bị đơn anh Hằng A P xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị D nên anh không nhất trí ly hôn; trường hợp chị D cứ cương quyết ly hôn thì anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Hằng Thị S và Hằng A H, anh không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Anh Hằng A P có đủ điều kiện kinh tế nuôi dưỡng 02 con chung nên nghị Tòa án xem xét giao cho anh Hằng A P được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Hằng Thị S và Hằng A H, để các cháu được ở cùng nhau để có tình cảm chị em.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trầm Túu phát biểu quan điểm:

Về tố tụng Tòa án thụ lý vụ án xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền; sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã thông báo việc thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 196 của BLTTDS, tuy nhiên, gửi thông báo cho Nguyên đơn chậm 01 ngày vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 196 BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thực hiện việc thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định về trình tự giải quyết vụ án dân sự, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi giải quyết vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 76 của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị D và anh Hảng A P.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cho chị Sùng Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Hảng Thị S, sinh ngày 02-8-2015; giao cho anh Hảng A P được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Hảng A H, sinh ngày 20-4-2018, chị D và anh P không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn cho chị Sùng Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tố tụng: Nguyên đơn chị Sùng Thị D khởi kiện anh Hảng A P, địa chỉ thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái; đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị D và anh Hảng A P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012; việc chung sống như vợ chồng được thể hiện tại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, giấy khai sinh của các con, giấy xác nhận thông tin về cư trú và lời khai của các đương sự. Tuy nhiên giữa chị D và anh P không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy hôn nhân giữa chị Sùng Thị D và anh Hảng A P là không hợp pháp vì không tuân thủ các quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Quá trình chung sống chị D và anh P phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P thường xuyên bạo lực gia đình, đánh đập, chửi bới vợ, khi vợ bị ốm đau anh P không quan tâm dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ là Sùng A S và Giàng Thị N tại chòm H thuộc thôn P, xã B, huyện T từ giữa tháng 3 năm 2024 cho đến nay vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tại phiên tòa chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn anh Hảng A P, anh P xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị D và không nhất trí ly hôn. Đối chiếu với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị D và anh Hảng A P.

[3] Con chung và cấp dưỡng nuôi con:

[3.1] Về con chung: Giữa chị Sùng Thị D và anh Hảng A P có 02 con chung là Hảng Thị S, sinh ngày 02-8-2015 và Hảng A H, sinh ngày 20-4-2018. Khi ly hôn chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Hảng Thị S, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con; anh Hảng A P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Hảng Thị S, sinh ngày 02-8-2015 và Hảng A H, sinh ngày 20-4-2018 không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy việc giao con chung cho chị D hay anh P nuôi dưỡng cần xem xét về điều kiện, quyền lợi mọi mặt của con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án chị D và anh P không thỏa thuận được về việc nuôi con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền lợi của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Xét thấy, về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con giữa chị D và anh P là như nhau. Theo quy định tại Điều 71 của Luật Hôn nhân và gia đình thì *“Cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.”*, để đảm bảo quyền bình đẳng của cha, mẹ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và phù hợp với nguyện vọng của con khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy cần giao con Hảng Thị S cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Hảng A H cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

[3.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Nguyên đơn chị Sùng Thị D là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Kiểm sát viên đề nghị Hội

đồng xét xử xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Sùng Thị D. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Sùng Thị D.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 262; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị D và anh Hảng A P.

2. Con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 01 con chung là Hảng Thị S, sinh ngày 02-8-2015 cho chị Sùng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật; giao 01 con chung là Hảng A H, sinh ngày 20-4-2018 cho anh Hảng A P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật. Chị D và anh P không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Sùng Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; hoàn trả lại chị Sùng Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2023/0000466 ngày 29-3-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trầm Bái, tỉnh Yên Bái, anh Hảng A P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Chi cục THADS huyện Trạm Tấu;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu: HS (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lên